

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST

Ngày 10 - 3 - 2025

“ V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Trần và bà Trần Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1995; trú tại: TDP S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Diệp Văn B, sinh năm 1997; trú tại: TDP S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày: Chị và anh Diệp Văn B kết hôn với nhau ngày 09/01/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh B ở thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2024 anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời về nhà thường xuyên đánh chị. Khoảng tháng 9 năm 2024 anh B bị Công an huyện T bắt tạm giam vì tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, sau khi anh B bị bắt chị N đã chuyển ra ngoài sinh sống, không sống chung nhà với bố mẹ anh B nữa. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị N và anh B không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, cho vay, vay nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Diệp Văn B vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh B trình bày: Anh và chị Phan Thị N có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2024 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và

chung sống cùng gia đình anh B ở thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2024 anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời về nhà thường xuyên đánh chị. Đến tháng 9 năm 2024 anh B bị Công an huyện T bắt tạm giam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, sau khi anh B bị bắt chị N đã chuyển ra ngoài sinh sống, không sống chung nhà với bố mẹ anh B nữa. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh B. Quan điểm của anh vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ còn nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị N không có con chung.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và vay nợ: Anh Bằng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND thị trấn Đ cung cấp: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn, sổ đăng ký khai sinh, sổ hộ khẩu và qua công tác quản lý nhân khẩu thực tế tại địa phương thể hiện: Chị Phan Thị N và anh Diệp Văn B kết hôn với nhau ngày 09/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh B ở xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị hoà thuận hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2024 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm bắt được. Tháng 9/2024 anh B đã bị bắt về hành vi vi phạm pháp luật. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh B không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh chị có tài sản gì, có cho ai vay mượn tài sản hay có vay mượn ai tài sản gì hay không, có đất đai gì hay không địa phương không nắm bắt được cụ thể. Nếu anh chị yêu cầu giải quyết vấn đề về tài sản đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Cho Chị Phan Thị N được ly hôn anh Diệp Văn B.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và vay nợ: Chị N và anh Bằng K yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Diệp Văn B1 có nơi cư trú tại: TDP S, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Bị đơn anh Diệp Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Chị N và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời, hiện nay đang bị tạm giam. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa chị N và anh B không thể tiếp tục được vì anh, chị có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân; điều đó khẳng định anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho Chị Phan Thị N được ly hôn anh Diệp Văn B là phù hợp.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và vay nợ: Chị B và anh N không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Diệp Văn B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho Chị Phan Thị N được ly hôn anh Diệp Văn B.

[2] Về án phí: Chị Phan Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001095 ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Phan Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Chị Phan Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Diệp Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Tam Đảo;*
- *Chi cục THADS huyện Tam Đảo;*
- *UBND thị trấn Đại Đình,*
- *Trại giam CA tỉnh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

